

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 714/2021/DS-PT  
Ngày: 20/12/2021  
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ  
pháp lý

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Trúc

*Các Thẩm phán:* Ông Bùi Liên Minh  
Bà Bùi Thị Kim Dung

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Chu Minh Sang  
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Duy Tuấn – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 tháng 12 năm 2021 và ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 203/2021/DS-PT ngày 21 tháng 6 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1024/2021/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3583/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 8746/2021/QĐ-PT ngày 11/11/2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số 9552/2021/QĐ-PT ngày 22/11/2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số 11586/2021/QĐ-PT ngày 13/12/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà H1, sinh năm 1950 (có mặt)

Địa chỉ: 440/4 đường Đ1, Phường P1, quận Q1, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 575 đường Đ2, Phường P1, quận Q1, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T1, sinh năm 1970 theo Giấy ủy quyền số công chứng: 008490, quyền số 02/2021 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 18/11/2021 tại Văn phòng công chứng Y1 (có mặt)

Địa chỉ: 157 đường Đ3, phường P2, Quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông T2 – Trưởng Văn phòng Luật sư T3

Địa chỉ: 29/17A Đường Đ4, phường P3, thành phố T4, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông H2, sinh năm 1968 theo Giấy ủy quyền số công chứng: 005617, quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 20/08/2020 tại Văn phòng công chứng N1 (có mặt).

Địa chỉ: 13/3A khu phố K1, phường P4, Quận Q2, Thành Phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bà H1 – Nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà H1 do ông T1 đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 15/5/2015, bà H1 liên hệ Chi nhánh Văn phòng Luật sư T3 tại địa chỉ số 208C đường Đ5, Phường P5, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh do ông H2 đại diện ký hợp đồng dịch vụ pháp lý. Theo nội dung của hợp đồng, Chi nhánh Văn phòng Luật sư T3 hỗ trợ giúp bà H1 về mặt pháp lý và làm đại diện theo ủy quyền của bà H1 để thay mặt bà H1 tham gia tố tụng liên quan đến việc tranh chấp hợp đồng vay tiền của bà R1; tranh chấp tài sản thừa kế căn nhà 171 Đường Đ6, Phường P6, Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh và 440/4 Đ1, Phường P1, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số tiền dịch vụ của các công việc nêu trên là 330.000.000 đồng và bà H1 đã giao cho Chi nhánh Văn phòng Luật sư T3 230.000.000 đồng ngay khi ký hợp đồng. Khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm một trong ba vụ án trên thì bà H1 trả hết số tiền còn lại là 100.000.000 đồng.

Cùng ngày 15/5/2015, bà H1 ký hợp đồng ủy quyền cho ông H2 tham gia tố tụng các nội dung đã thỏa thuận tại hợp đồng dịch vụ pháp lý. Tuy nhiên, Chi nhánh Văn phòng Luật sư T3 cũng như ông H2 không có trách nhiệm, bỏ mặc. Cụ thể:

Đối với vụ việc khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà R1: Sau khi Công an quận Q1 trả lời không khởi tố vụ án hình sự. Bà H1 đã ký đơn kiện và ký giấy ủy quyền để ông H2 nộp đơn cho Tòa án nhân dân quận Q1. Sau đó, bà H1 đi Mỹ. Trong thời gian ở Mỹ, bà H1 thường xuyên gọi điện cho ông H2 để hỏi xem tình hình tới đâu nhưng ông H2 không phản hồi những thông tin có liên quan đến việc xử lý đơn khởi kiện đối với bà R1. Sáu tháng sau, bà H1 về

Việt Nam, bà thường xuyên liên lạc và hỏi về các việc mà bà đã nhờ và bà được ông H2 luôn trả lời là “cháu bận lắm”, bà H1 kiểm tra thì ông H2 không hề nộp đơn khởi kiện bà R1 ra Tòa án nhân dân quận Q1, do vậy bà H1 đã phải tự nộp đơn và tham gia tố tụng. Như vậy, vụ việc này Chi nhánh Văn phòng luật sư T3 và ông H2 không hỗ trợ về mặt pháp lý cho bà, không nộp đơn khởi kiện cho bà H1 cũng như tham gia vụ kiện với tư cách làm đại diện ủy quyền cho bà.

Đối với việc tranh chấp chia di sản thừa kế căn nhà số 171 Đường Đ6, Phường P6, Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh và căn nhà 440/4 Đ1, Phường P1, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh, bà H1 tham gia vụ án với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết chung trong cùng một vụ án. Bà H1 ủy quyền cho ông H2 tham gia trong quá trình Tòa án giải quyết nhưng không bao giờ bàn bạc với bà về tình hình vụ kiện, giải pháp khi ra Tòa mặc dù bà H1 thường xuyên gọi điện hỏi, khi Tòa án tiến hành hòa giải, ông H2 đã không khai đúng yêu cầu của bà H1, không tham gia hòa giải khiến bà H1 phải tự tham gia. Qua tìm hiểu, bà H1 biết ngày 20/01/2016 là ngày Tòa xét xử sơ thẩm, ngày 18/01/2016 bà H1 liên lạc nhưng ông H2 vẫn chưa biết ngày xử và không quan tâm đến tiến độ giải quyết vụ án. Bà H1 đã nhiều lần gọi điện thoại cho ông H2 để yêu cầu thanh lý hợp đồng, trả lại tiền nhưng ông H2 đều không nghe điện thoại. Ngoài ra, bà H1 đã nhiều lần đến Chi nhánh Văn phòng Luật sư T3 và ông H2 đều cố tình né tránh, bà phải đi lại nhiều lần mới gặp được ông H2, thì ông H2 hẹn sẽ giải quyết nhưng phải bàn bạc với anh em tại Văn phòng và yêu cầu bà H1 phải đưa bản chính hợp đồng dịch vụ pháp lý cho ông thì ông mới giải quyết, vì bản chính đã thất lạc. Bà H1 không đồng ý thì ông H2 đuổi bà về và thách thức bà đi kiện.

Nhận thấy Chi nhánh Văn phòng Luật sư T3 do ông T2 làm Trưởng chi nhánh đã không thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung cam kết trong hợp đồng dịch vụ pháp lý, thiếu trách nhiệm trong công việc, không thực hiện công việc theo hợp đồng. Vì vậy, bà H1 khởi kiện ông T2 là Trưởng Văn phòng Luật sư T3, yêu cầu hủy “hợp đồng dịch vụ pháp lý” (không số) ngày 15/5/2015 giữa Chi nhánh Văn phòng Luật sư T3 và bà H1; buộc ông T2 - Trưởng Văn phòng Luật sư T3 phải trả lại số tiền đã nhận của bà H1 là 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng), trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn ông T2 – Trưởng Văn phòng Luật sư T3 do ông H2 đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Chi nhánh Văn phòng luật sư T3 (gọi tắt là VPLS) thuộc Văn phòng Luật sư T3, thành lập ngày 06/4/2009 (địa chỉ trụ sở chính: 154 đường Đ7, phường P7, thành phố T3, tỉnh Bình Thuận), trụ sở chính và chi nhánh đều do Luật sư T2 đứng tên trên Giấy phép đăng ký hoạt động. Thời gian Luật sư T2 thường

trực ở trụ sở chính nên có ủy quyền cho ông H2 (nhân viên VPLS) để trực VPLS, tư vấn pháp luật miễn phí cho khách hàng, đại diện VPLS ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với khách hàng. Ngày 15/5/2015, ông H2 thay mặt VPLS có ký hợp đồng dịch vụ pháp lý và làm đại diện theo ủy quyền của bà H1 để tham gia tố tụng liên quan đến các vụ việc: Tranh chấp hợp đồng vay tiền đối với bà R1; tranh chấp tài sản thừa kế là căn nhà số 171 Đường Đ6, Phường P6, Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh và căn nhà số 440/4 Đ1, Phường P1, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng giá trị hợp đồng dịch vụ pháp lý là 330.000.000 đồng nhưng do sơ sót lỗi đánh máy nên có ghi sai số tiền trên hợp đồng là 380.000.000 đồng. Theo thỏa thuận thì số tiền dịch vụ được thanh toán thành 02 đợt, đợt 1 sau khi ký hợp đồng bà H1 phải trả trước cho VPLS số tiền 230.000.000 đồng và đợt 2 khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm một trong ba vụ án nêu thì bà H1 trả hết cho VPLS số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng, bà H1 chỉ tạm ứng trước cho VPLS số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), bà H1 nại ra lý do rằng bà về Việt Nam không mang theo được nhiều tiền nên hứa khi qua Mỹ sẽ thu xếp và lần sau về lại Việt Nam bà sẽ thanh toán theo thỏa thuận. Mặc dù VPLS chưa nhận đủ tiền theo thỏa thuận nhưng vì chiều lòng khách hàng, vì quyền lợi của khách hàng nên VPLS vẫn tiến hành thực hiện công việc, phân công ông H2 trực tiếp làm người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà H1 để giải quyết vụ việc. Sau khi được bà H1 lập Giấy ủy quyền, VPLS do ông H2 được ủy quyền đã tiến hành thực hiện những công việc theo hợp đồng cụ thể như sau:

Vụ án thứ nhất: Tranh chấp hợp đồng vay tiền đối với bà R1: Ngày 15/5/2015 bà H1 lập giấy ủy quyền cho ông H2 để nộp đơn khởi kiện và tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp (Giấy ủy quyền số 275, lập tại Phòng Công chứng số 6, Thành phố Hồ Chí Minh). Ông H2 đã lập đơn khởi kiện và tập hợp hoàn tất hồ sơ khởi kiện. Tuy nhiên, bà H1 yêu cầu ông H2 chưa nộp đơn khởi kiện để bà chờ kết quả trả lời đơn tố cáo bà R1 của Công an quận Q1.

Ngày 05/8/2015, Công an quận Q1 có Thông báo số 525/TB-CQĐT gửi bà H1 có nội dung “vụ việc nêu trong đơn của bà là quan hệ dân sự, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan CSĐT Công an quận Q1. Do đó, đề nghị bà khởi kiện tại Tòa án nhân dân để được giải quyết theo thẩm quyền”. Sau khi bà H1 nhận được Thông báo số 525/TB-CQĐT nêu trên, bà H1 yêu cầu ông H2 tiến hành nộp đơn khởi kiện. Ông H2 đã nộp đơn khởi kiện, được Tòa án nhân dân quận Q1 chấp nhận đơn và có thông báo nộp tiền tạm ứng án phí lệ phí theo Thông báo số 0072/2016/TB-DS ngày 12/01/2016. Ngay khi có thông báo tạm nộp án phí thì ông H2 gửi thông báo cho bà H1 biết số tiền tạm ứng án phí là 10.000.000 đồng, yêu cầu bà H1 nộp tạm ứng án phí để Tòa án thụ lý vụ án. Tuy nhiên, bà H1 cho rằng số tiền tạm ứng án phí quá nhiều bà không có tiền nộp. Do đó, Tòa án không thụ lý giải quyết theo luật định. Như vậy, VPLS do

ông H2 làm đại diện theo ủy quyền đã làm tròn nghĩa vụ và trách nhiệm của mình đối với phần nội dung liên quan đến hợp đồng dịch vụ pháp lý. Bà H1 cho rằng VPLS và ông H2 không hỗ trợ về mặt pháp lý, không nộp đơn khởi kiện cho bà là không có căn cứ, không đúng sự thật. Vụ án không được thụ lý là do lỗi của bà H1 (không nộp tiền tạm ứng án phí).

Vụ án thứ hai: Tranh chấp chia di sản thừa kế căn nhà số 171 Đường Đ6, Phường P6, Quận Q3 và nhà số 440/4 Đ1, Phường P1, quận Q1: Cả 2 vụ án này được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhập chung thành một vụ án và đã thụ lý từ năm 2006 theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số 127/DSST ngày 20/02/2006. Sau khi VPLS ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với bà H1, VPLS do ông H2 được ủy quyền đã soạn thảo đơn từ, làm các thủ tục tham gia tố tụng tại Tòa án theo luật định. Ông H2 đã làm hết trách nhiệm của mình, đã thu thập tài liệu, chứng cứ và tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 10/12/2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3755/2015/QĐST-DS, ấn định thời gian mở phiên tòa lúc 08 giờ ngày 29/12/2015. Khi ông H2 nhận được Giấy triệu tập tham gia phiên tòa và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, VPLS do ông H2 được ủy quyền đã nhiều lần yêu cầu bà H1 phải thanh toán toàn bộ số tiền còn lại theo hợp đồng dịch vụ pháp lý là 300.000.000 đồng (đã trừ 30.000.000 đồng do bà H1 đã ứng trước). Tuy nhiên, bà H1 yêu cầu VPLS phải bổ sung phụ lục hợp đồng với nội dung VPLS phải hứa kết quả vụ án bà H1 thắng 100% thì bà mới thanh toán tiền, nếu VPLS không đáp ứng yêu cầu này của bà thì bà hủy bỏ hợp đồng và hủy bỏ ủy quyền tham gia tố tụng đối với ông H2, đồng thời bà yêu cầu VPLS phải trả lại cho bà 30.000.000 đồng đã nhận. Nhận thấy yêu cầu của bà H1 là trái pháp luật, vi phạm nội dung thỏa thuận tại hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa Chi nhánh Văn phòng Luật sư T3 và bà H1 ký ngày 15/5/2015 nên VPLS do ông H2 được ủy quyền đã từ chối yêu cầu phí lý của bà H1.

Vào lúc 08 giờ 30 ngày 29/12/2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử nêu trên, để làm tròn trách nhiệm của mình nên ông H2 vẫn có mặt tại phiên tòa và chuẩn bị đầy đủ chứng cứ, tài liệu, luận điểm về nội dung để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bà H1. Tuy nhiên, bà H1 đã tự ý gửi đơn xin hoãn phiên tòa vào lúc 13 giờ 30 ngày 15/01/2016. Ngày 05/01/2016, bà H1 có thông báo hủy bỏ việc ủy quyền tham gia tố tụng đối với ông H2, thông báo này bà H1 đã nộp cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Thẩm phán T8.

Vào lúc 13 giờ 30 ngày 15/01/2016 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở lại phiên tòa, tại phiên tòa ông H2 vẫn có mặt để làm tròn trách nhiệm của mình. Bước vào phần hỏi, Thẩm phán T8 (chủ tọa) hỏi bà H1 về việc có giữ

nguyên tư cách đại diện theo ủy quyền của ông H2 hay không? Bà H1 trả lời bà đã gửi thông báo cho tòa về việc hủy bỏ tư cách đại diện theo ủy quyền đối với ông H2. Do đó, tại phiên tòa hôm nay ông H2 không còn là người đại diện theo ủy quyền của bà nữa, bà đã nhờ Luật sư khác bảo vệ cho bà tại phiên tòa. Như vậy, một lần nữa cho thấy VPLS do ông H2 được ủy quyền đã hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình đối với hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 15/5/2015. Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong đơn khởi kiện là không đúng sự thật, không có căn cứ nên bị đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H1.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:* Nguyên đơn bà H1 xác định hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa hai bên đã ký và thực hiện một thời gian nhưng phía Văn phòng Luật sư T3 không thực hiện hiệu quả đúng như nguyện vọng của bà. Do vậy, bà H1 yêu cầu chấm dứt và hủy bỏ hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký giữa các bên vào ngày 15/5/2015, buộc Văn phòng Luật sư T3 do ông T2 làm Trưởng Văn phòng trả lại số tiền đã nhận là 230.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà H1 xác định không xuất trình được chứng cứ đã giao cho bị đơn số tiền 230.000.000 đồng. Bị đơn chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng ý chấm dứt và hủy bỏ hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký ngày 15/5/2015. Bị đơn rút một phần yêu cầu phản tố, chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà H1 thanh toán số tiền 100.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1024/2021/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh:

Áp dụng: Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật sư năm 2012; Luật doanh nghiệp năm 2014; Điều 513, 114, 115, 116, 117, 518, 519, 520 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chấm dứt và hủy hợp đồng dịch vụ pháp lý giao kết ngày 15/5/2015 giữa bà H1 với Văn phòng Luật sư T3;

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông T2 - nguyên Trưởng Văn phòng Luật sư T3 trả lại số tiền 230.000.000 đồng;

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn buộc bà H1 trả cho ông T2 - nguyên Trưởng Văn phòng Luật sư T3 số tiền 100.000.000 đồng;

4. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc rút lại số tiền 200.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Ngày 15/5/2021, nguyên đơn bà H1 nộp Đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 1024/2021/DS-ST ngày 27/4/2021, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T2 trả lại cho bà H1 số tiền 230.000.000 đồng đã nhận, đồng thời không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm,*

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp.

Nguyên đơn bà H1 do ông T1 đại diện theo ủy quyền trình bày không rút yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Từ ngày 12 đến ngày 15 tháng 01 năm 2016, bà H1 có mặt tại Việt Nam nhưng ông H2 không giao cho bà H1 thông báo nộp tiền tạm ứng án phí trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà R1. Chi nhánh Văn phòng Luật sư T3 đã không làm tròn trách nhiệm, không thực hiện đúng những thỏa thuận của hai bên được nêu tại hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 15/5/2015 làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà H1 nên bà H1 chỉ chấm dứt hợp đồng ủy quyền với ông H2, không chấm dứt hợp đồng dịch vụ pháp lý với Văn phòng Luật sư T3. Do đó, nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Bị đơn ông T2 - Trưởng Văn phòng Luật sư T3 do ông H2 đại diện theo ủy quyền trình bày: Bị đơn không kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm, giữ nguyên các ý kiến và yêu cầu đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm. Nhận thấy Văn phòng Luật sư T3 không có lỗi, đã làm hết trách nhiệm, hoàn thành nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng đối với bà H1. Tuy nhiên, bà H1 đã có lỗi và vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng, không trả hết cho Văn phòng Luật sư số tiền còn lại. Do đó, bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

*Về tố tụng:* Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Có thông báo bằng văn bản cho các đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp về việc thụ lý vụ án, quyết định xét xử cùng hồ sơ vụ án chuyển Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn và Hội đồng

xét xử, thư ký Tòa án thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử phúc thẩm theo quy định tại các Điều 171, 172, 285, 286, 290, 292 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

*Về nội dung:* Căn cứ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án phù hợp quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà H1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Viện kiểm sát nhân dân Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1024/2021/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà H1 thực hiện trong thời hạn luật định nên được cấp phúc thẩm chấp nhận.

[1.2] Việc xác định thẩm quyền, quan hệ tranh chấp vụ án của Tòa án sơ thẩm phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[1.3] Xác định tư cách đương sự: Nguyên đơn bà H1 khởi kiện ông T2 - Trưởng Văn phòng Luật sư T3. Ông T2 nguyên là Trưởng Văn phòng Luật sư T3 và Trưởng Chi nhánh Văn phòng Luật sư T3. Xét thấy, Văn phòng Luật sư T3 đã chấm dứt hoạt động theo Quyết định số 18/QĐ-STP ngày 23/3/2016 của Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 33 Luật Luật sư và khoản 3 Điều 185 Luật Doanh Nghiệp, chủ doanh nghiệp tư nhân, Trưởng Văn phòng Luật sư là nguyên đơn, bị đơn hoặc là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trước Tòa án trong các tranh chấp liên quan đến Doanh nghiệp tư nhân, Văn phòng Luật sư.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại số tiền 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng).

[2.1] Văn phòng Luật sư T3 được thành lập ngày 06/4/2009. Ngày 15/5/2015, bà H1 và Chi nhánh Văn phòng Luật sư T3 ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý có nội dung: Bên A (bà H1) nhờ, bên B (Chi nhánh Văn phòng Luật sư T3) đồng ý hỗ trợ giúp bên A về mặt pháp lý và làm đại diện theo ủy quyền của



bên A để thay mặt bên A tham gia tố tụng liên quan đến các việc tranh chấp: Tranh chấp hợp đồng vay tiền đối với bà R1; tranh chấp tài sản thừa kế là căn nhà số 440/4 Đ1, Phường P1, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh. Hai bên thỏa thuận phí dịch vụ là 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng). Do nhầm lẫn trong đánh máy nên ghi phí dịch vụ là 380.000.000 đồng (ba trăm tám mươi triệu đồng). Phương thức thanh toán chia thành 02 đợt: Đợt 1 - Sau khi hai bên ký hợp đồng, bà H1 trả trước 230.000.000 đồng; Đợt 2 - Khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm một trong ba vụ án thì bà H1 trả 100.000.000 đồng còn lại. Cên A (bà H1) phải đóng các khoản tiền án phí, lệ phí ... liên quan đến các vụ việc nêu trên. Ngoài ra, hợp đồng còn quy định nghĩa vụ của các bên, cam kết chung.

[2.2] Nguyên đơn bà H1 cho rằng hợp đồng dịch vụ pháp lý các bên đã ký không đúng quy định của pháp luật. Thời điểm ký hợp đồng dịch vụ pháp lý, ông H2 chỉ là Luật gia, không phải là Luật sư, không có giấy ủy quyền của Văn phòng Luật sư T3, không có hợp đồng lao động với Văn phòng Luật sư T3. Dịch vụ pháp lý là một nghề đặc thù, người ký hợp đồng dịch vụ pháp lý phải là Luật sư. Người tư vấn và tham gia tố tụng theo ủy quyền không phải là Luật sư thì nguyên đơn không ký hợp đồng và không ủy quyền cho ông H2 tham gia tố tụng. Bà H1 đi tìm Luật sư để thực hiện dịch vụ pháp lý chứ không tìm Luật gia. Do vậy, hợp đồng dịch vụ pháp lý ông H2 đã ký là không đúng quy định của pháp luật nên bị vô hiệu. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét các chứng cứ liên quan, không xem xét trách nhiệm của Luật sư T2 khi ký kết và thực hiện hợp đồng.

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy, Chi nhánh Văn phòng Luật sư T3 thuộc Văn Phòng Luật sư T3 do ông T2 làm Trưởng chi nhánh. Ngày 01/7/2014, ông H2 có ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Văn phòng Luật sư T3. Theo nội dung Giấy ủy quyền ngày 01/7/2014, ông T2 - Trưởng văn phòng Luật sư T3 đồng ý ủy quyền cho ông H2, sinh năm 1968, chức vụ: Luật gia, nhân viên của Văn phòng Luật sư T3, trong thời gian ông T2 không có mặt tại Chi nhánh Văn phòng Luật sư T3, ông H2 được toàn quyền thay mặt ông T2 - Trưởng Chi nhánh ký tất cả các hợp đồng dịch vụ pháp lý đối với khách hàng, được nhận tiền theo hợp đồng đã ký. Đồng thời, ông H2 được quyền ký thanh lý tất cả các hợp đồng dịch vụ pháp lý do ông H2 đã ký với khách hàng... Ông H2 là Luật gia, sinh hoạt tại Hội Luật gia Quận Q2 thuộc Hội Luật gia Thành phố Hồ Chí Minh. Khi ký hợp đồng dịch vụ pháp lý, ông H2 đã được Trưởng Chi nhánh Văn phòng Luật sư T3 ủy quyền hợp lệ và hợp đồng có thể hiện ông H2 làm đại diện. Thời điểm nguyên đơn và bị đơn xác lập các giao dịch dân sự, các bên có đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập; chủ thể tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung giao dịch này không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo

đức xã hội nên hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 15/5/2015 có hiệu lực pháp luật. Các bên đã thỏa thuận cụ thể quyền, nghĩa vụ khi giao kết hợp đồng dịch vụ pháp lý nên phải có nghĩa vụ thực hiện những nội dung đã thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn cho rằng hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 15/5/2015 vô hiệu là không có cơ sở.

[2.4] Theo nguyên đơn bà H1 do ông T1 đại diện theo ủy quyền trình bày: Trong hợp đồng đã thể hiện rõ nội dung “Sau khi hai bên ký hợp đồng, bà H1 trả trước 230.000.000 đồng” nên ngay khi ký hợp đồng, bà H1 đã giao cho ông H2 là người đại diện cho Chi nhánh Văn phòng Luật sư T3 đủ số tiền 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng), không có biên nhận. Tuy nhiên, Chi nhánh Văn phòng Luật sư T3 chỉ thừa nhận bà H1 giao 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy, bà H1 là người khởi kiện, tuy nhiên nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã giao cho Chi nhánh Văn phòng Luật sư T3 số tiền 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng). Căn cứ khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo này của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc trả bị đơn số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

[3.1] Theo nguyên đơn bà H1 trình bày: Trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà H1 với bà R1, ông H2 là người đại diện theo ủy quyền của bà H1 nhưng khi Tòa án nhân dân quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh giao Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho ông H2 thì ông H2 không thông báo cho bà H1 biết để thực hiện thủ tục nộp án phí đúng hạn luật định khiến cho vụ án của bà không được xem xét thụ lý. Đến tháng 4/2016, bà H1 phải tự thực hiện thủ tục nộp lại đơn khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi ký hợp đồng dịch vụ pháp lý và giấy ủy quyền tham gia tố tụng. Ông H2 đã thực hiện các công việc cụ thể như: Soạn đơn khởi kiện, liên hệ Tòa án nhân dân quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh nộp đơn khởi kiện, nhận Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 0072/2016/TB-DS ngày 12/01/2016. Căn cứ Điều 4 của hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 15/5/2015, Bên A (bà H1) phải đóng các khoản tiền: Án phí, lệ phí ... liên quan đến vụ việc. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác nhận từ ngày 12/01/2016 đến ngày 15/01/2016, bà H1 có mặt tại Việt Nam và bà H1 có nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí theo quy định. Bà H1 cho rằng ông H2 không giao cho bà Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí để bà nộp tiền đúng hạn luật định nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh, do đó lời trình bày này của bà H1 là chưa có cơ sở.

[3.2] Đối với vụ án tranh chấp thừa kế tại căn nhà 171 Đường Đ6, Phường P6, Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh và căn nhà 440/4 Đ1, Phường P1, quận

Q1, Thành phố Hồ Chí Minh: Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án trên, ông H2 đã đại diện bà H1 tham gia tố tụng tại Tòa án. Mặc dù Biên bản hòa giải không thành ngày 19/8/2015 ghi sai địa chỉ của ông H2 - Là người đại diện theo ủy quyền của bà H1, tuy nhiên ông H2 vẫn có mặt tham gia hòa giải và tham gia các phiên làm việc khác theo triệu tập của Tòa án. Ngày 29/12/2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4022/2015/QĐST-DS. Ngày 05/01/2016, bà H1 đã có thông báo hủy bỏ việc ủy quyền tham gia tố tụng đối với ông H2 và không cho ông H2 tham gia phiên tòa xét xử trong vụ án nêu trên. Sự việc này đã được ghi nhận tại Vi bằng số 20/2016/VBVPTPLBT do Văn phòng Thừa phát lại Bình Thạnh lập ngày 15/01/2016. Do đó, bị đơn không vi phạm những thỏa thuận với nguyên đơn được nêu tại hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 15/5/2015 và bà H1 chưa thanh toán số tiền còn lại. Theo Điều 3 của Hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 15/5/2015, hai bên có thỏa thuận khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử của một trong ba vụ án thỏa thuận tại điều 1 của hợp đồng thì bà H1 (bên A) phải thanh toán số tiền 100.000.000 đồng còn lại. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn bà H1 trả lại số tiền còn lại là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) là phù hợp nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[4] Các nội dung khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 1024/2021/DS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà H1 là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1024/2021/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, bà H1 phải nộp án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, ngày 28/5/2021, bà H1 nộp Đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí phúc thẩm. Căn cứ khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà H1.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 148, Điều 293, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

Các Điều 116, 117, 513, 518, 519, 520, khoản 2 Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 33 Luật Luật sư năm 2012;

Khoản 3 Điều 185 Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà H1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1024/2021/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chấm dứt và hủy hợp đồng dịch vụ pháp lý giao kết ngày 15/5/2015 giữa bà H1 với Văn phòng Luật sư T3;

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông T2 - nguyên Trưởng Văn phòng Luật sư T3 trả lại số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc bà H1 trả cho ông T2 - nguyên Trưởng Văn phòng Luật sư T3 số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc rút lại yêu cầu nguyên đơn trả số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Ông T2 - nguyên Trưởng Văn phòng Luật sư T3 phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0057684 ngày 07/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T2 được nhận lại số tiền 7.200.000 đồng (bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

5.2. Bà H1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm cho yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 11.500.000 đồng (mười một triệu năm trăm nghìn đồng) và nộp tiền án phí cho phần yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà H1 phải nộp là 16.500.000 đồng (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 6.050.000 đồng (sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) mà bà H1 đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0003801 ngày 15/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H1 còn phải nộp thêm số tiền 10.450.000 đồng (mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà H1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Q1;
- Đường sự;
- Lưu (T16).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thanh Trúc**